

# NHU CẦU ĐIỀU TRỊ NẪN CHỈNH RĂNG CỦA HỌC SINH 12 - 15 TUỔI TẠI THÀNH PHỐ VINH TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Thị Lệ Giang<sup>1</sup>, Nguyễn Gia Kiều Ngân<sup>2</sup>, Văn Thị Nhung<sup>3</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định nhu cầu điều trị nắn chỉnh răng của học sinh 12 - 15 tuổi tại thành phố Vinh từ tháng 12/2020 đến tháng 03/2021. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 334 học sinh từ 12-15 tuổi đang học tại 06 trường trung học cơ sở TP Vinh, qua thăm khám lâm sàng, lấy mẫu, chụp hình kết hợp dụng cụ đo kích thước nhằm đánh giá nhu cầu điều trị nắn chỉnh răng theo chỉ số IOTN và tiêu chuẩn thẩm mỹ răng AC. **Kết quả:** Trong 334 học sinh tham gia nghiên cứu có 37,8% học sinh cần điều trị nắn chỉnh răng và 36,8% không cần điều trị. Trong nhóm không cần điều trị theo sức khỏe răng học sinh 15 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (10,8%). Có 31,1% học sinh cần điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng AC, trong đó học sinh 13 tuổi có nhu cầu điều trị cao nhất. **Kết luận:** Nhu cầu điều trị nắn chỉnh răng theo IOTN có 37,8% cần điều trị. Nhu cầu điều trị CHRM tiêu chuẩn thẩm mỹ răng AC kết quả tỉ lệ cần điều trị chiếm 31,1%. Nhóm khớp cắn trung tính chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm không cần phải điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng (23,7%); Sai khớp cắn hạng III có nhu cầu điều trị cao nhất (11,7%). **Từ khóa:** lệch lạc khớp cắn, điều trị nắn chỉnh răng

## SUMMARY

### ASSESSMENT OF ORTHODONTIC TREATMENT IN PUPILS BETWEEN THE AGE OF 12 TO 15 YEARS OLD IN VINH CITY, NGHE AN PROVINCE

**Objectives:** To evaluate the orthodontic treatment need in pupils between the age of 12 to 15 years old from December, 2020 to March, 2021. **Subjects and methods:** Cross-sectional study on 334 pupils, between the age of 12- 15 years old at 6 Secondary schools in Vinh city. The pupils were examined, took impression and measured the index to assess the orthodontic treatment needs like DHC index and AC aesthetic standard. **Result:** The rate of pupils with orthodontic treatment accounted for 37.1%; without orthodontic treatment accounted for 36.8%. The age of 15 years old group had the most rate in orthodontic untreatment. The rate of pupils with AC aesthetic treatment accounted 31.1%, among them the age of 13 years old group had the most common. **Conclusions:** The incidence of orthodontic treatment with DHC index accounted for 37.8%. The orthodontic

treatment need with AC aesthetic standard accounted 31.1%. The medium class reached the most rate in the orthodontic untreatment. The class III malocclusion had the most common.

**Keywords:** malocclusion, orthodontic treatment

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) lệch lạc khớp cắn là tình trạng răng sắp xếp lệch lạc hay không ăn khớp tốt giữa hai hàm trong tư thế lồng múi tối đa. Lệch lạc khớp cắn là tình trạng rất phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới.

Lệch lạc khớp cắn tuy không phải là bệnh lý cấp tính nguy hiểm nhưng ảnh hưởng đến chức năng, thẩm mỹ làm cho con người kém tự tin trong giao tiếp, cuộc sống, là điều kiện để các bệnh lý răng miệng như bệnh sâu răng và nha chu phát triển. Vì vậy xác định tình trạng lệch lạc khớp cắn của trẻ em sẽ góp phần không nhỏ vào công tác phòng bệnh và điều trị răng miệng cho trẻ em, giúp trẻ có được khuôn mặt đẹp, hàm răng khỏe mạnh từ đó phát triển toàn diện về thể chất, tâm sinh lý. Lệch lạc khớp cắn nếu được chẩn đoán và điều trị kịp thời sẽ cho kết quả tốt về thẩm mỹ và chức năng, giúp trẻ tự tin hơn. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu đánh giá nhu cầu điều trị nắn chỉnh răng của trẻ ở lứa tuổi 12-15 tuổi, từ đó có thể rút ra được một cái nhìn toàn diện hơn về nhu cầu an thiệp chỉnh nha của trẻ vị thành niên tại Nghệ An.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**Đối tượng nghiên cứu:** 334 học sinh từ 12-15 tuổi đang học tại 06 trường trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố Vinh, Nghệ An. Nghiên cứu tiến hành từ ngày tháng 12/2020 đến tháng 03/2021.

**Phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Các bước tiến hành nghiên cứu:

Bước 1: Chọn mẫu nghiên cứu là 334 học sinh từ 12-15 tuổi tại 06 trường THCS

Bước 2: Khám lâm sàng đánh giá tình trạng lệch lạc khớp cắn, lấy dấu, chụp hình khớp cắn ở tư thế lồng múi tối đa nhìn từ phía trước.

Sử dụng thước IOTN kết hợp với thước kẹp điện tử để xác định các giá trị các biến số cần khảo sát trên mẫu hàm, từ đó xác định nhu cầu điều trị theo DHC gồm 3 nhóm: không cần điều trị; ranh giới và cần điều trị.

<sup>1</sup>Bệnh viện RHM và PTTM Thái Thượng Hoàng Nghệ An  
<sup>2</sup>Đại học Y dược Huế

<sup>3</sup>Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Thị Lệ Giang

Email: doctor.nhung@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.5.2023

Ngày duyệt bài: 22.5.2023

Quan sát ảnh chụp khớp cắn học sinh ở tư thế lồng múi tối đa nhìn từ phía trước và so sánh với các hình tiêu chuẩn từ đó xác định nhu cầu điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng AC gồm 03 nhóm: Không cần trị; ranh giới và cần điều trị.

Bước 3: Tổng hợp lại thông tin nghiên cứu bằng các phiếu thu thập số liệu

Bước 4: Nhập và xử lý số liệu. Số liệu được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1, làm sạch, mã hóa và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.

**III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN**

**Bảng 1. Nhu cầu điều trị nắn chỉnh răng theo tiêu chuẩn sức khỏe răng DHC- IOTN theo tuổi**

DHC	Tuổi	12		13		14		15		Tổng	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Không cần điều trị (mức 1 – 2)		25	7,5	33	9,9	29	8,7	36	10,8	123	36,8
Ranh giới (Mức 3)		23	6,9	19	5,7	20	6,0	23	6,9	85	25,4
Cần điều trị (Mức 4 – 5)		34	10,2	29	8,7	36	10,8	27	8,1	126	37,8
Tổng		82	24,6	81	24,3	85	25,4	86	25,7	334	100,0
<b>p</b>		0,637									

Bảng 1 cho thấy có 37,8% học sinh từ 12 – 15 tuổi cần điều trị theo sức khỏe răng và có 36,8% không cần điều trị.

Theo nghiên cứu của Đặng Thị Thu Hương và cs (2020) tại Hà Nội nhu cầu điều trị theo DHC thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi, theo nghiên cứu này thì chỉ có 19,3% trẻ em từ

12 – 15 tuổi tại thành phố Hà Nội có nhu cầu điều trị. Sự khác biệt này có thể được giải thích do Hà Nội là thành phố lớn và phát triển, là trung tâm kinh tế chính trị của cả nước, các bố mẹ cũng có thói quen chăm sóc răng miệng cho con từ nhỏ nên sẽ giảm tỉ lệ cần can thiệp ở lứa tuổi 12-15 tuổi.

**Bảng 2. Nhu cầu điều trị chỉnh hình răng theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng AC- IOTN theo tuổi**

AC	Tuổi	12		13		14		15		Tổng	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Không cần điều trị (mức 1 -4)		31	9,3	31	9,3	36	10,8	41	12,3	139	41,6
Ranh giới điều trị (mức 5 -7)		27	8,1	23	6,9	21	6,3	20	6,0	91	27,2
Cần điều trị (mức 8 – 10)		24	7,2	27	8,1	28	8,4	25	7,5	104	31,1
Tổng		82	24,6	81	24,3	85	25,4	86	25,7	334	100,0
<b>p</b>		0,756									

Bảng 2 cho thấy có 31,1% học sinh từ 12 – 15 tuổi cần điều trị theo thẩm mỹ răng. Trong đó học sinh 13 tuổi có nhu cầu điều trị theo tiêu chuẩn AC cao nhất (8,1%). Có 41,6% học sinh từ 12 – 15 tuổi không cần điều trị theo tiêu chuẩn AC trong đó học sinh 15 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (12,3%). Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhu cầu điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng giữa các độ tuổi với  $p < 0,05$ .

Nhu cầu điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng trong nghiên cứu của chúng tôi tương tự như kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Yến và cs (2012) tại Bình Dương. Tuy nhiên, nhu cầu này thấp hơn nghiên cứu Cao Minh Nhã Uyên và cs (2020) tại TP.HCM. Điều này có thể là do sự khác biệt về mẫu, độ tập trung dân số, đặc điểm địa lý, dân cư và thói quen ăn uống sinh hoạt khác nhau.

**Bảng 3. Mối liên quan giữa các loại khớp cắn theo Angle và các mức điều trị chỉnh hình răng mặt về AC**

Loại khớp cắn	AC	Không cần điều trị	Ranh giới điều trị	Cần điều trị	Tổng
	%	%	%	%	%
Khớp cắn trung tính		23,7	0,3	0,0	24,0
Angle 1		11,4	16,2	9,6	37,1
Angle 2		5,7	8,7	9,9	24,3
Angle 3		0,9	2,1	11,7	14,7
Tổng		41,6	27,2	31,1	100,0
<b>p</b>		< 0,001			

Bảng 3 cho thấy nhóm khớp cắn trung tính chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm không cần phải điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng (23,7%). Sai khớp cắn hạng III có nhu cầu điều trị cao nhất (11,7%). Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các loại khớp cắn và nhu cầu điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng với  $p < 0,05$ .

Khớp cắn trung tính được coi là mối quan hệ khớp cắn vững bền nhất. Bất kể điều trị nắn chỉnh nào đưa tương quan răng cối và răng nanh về quan hệ trung tính đều là lý tưởng.

Do đó trong nhóm khớp cắn trung tính nhu cầu điều trị rất ít là phù hợp. Các nghiên cứu của Đồng Thị Mai Hương và cs (2012), Phommakone và cs (2012) khi đánh giá tình trạng lệch lạc khớp cắn và nhu cầu điều trị nắn chỉnh răng đều có kết quả tương tự nghiên cứu của chúng tôi về mối liên quan giữa sai khớp cắn và nhu cầu điều trị.

#### IV. KẾT LUẬN

Có 37,8% học sinh từ 12 – 15 tuổi cần điều trị theo sức khỏe răng và có 36,8% không cần điều trị theo tiêu chuẩn DHC

Có 31,1% học sinh từ 12 – 15 tuổi cần điều trị theo thẩm mỹ răng AC; Có 41,6% học sinh từ 12 – 15 tuổi không cần điều trị. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhu cầu điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng giữa các độ tuổi với  $p < 0,05$ . Nhóm khớp cắn trung tính chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm không cần phải điều trị theo tiêu chuẩn thẩm mỹ răng (23,7%). Sai khớp cắn hạng III có nhu cầu điều trị cao nhất (11,7%).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Al Jadidi L., Sabrish L., Shivamurthy S. (2018), "The prevalence of malocclusion and orthodontic treatment need in Omani adolescent population", J Orthod Sci. 7, pp. 21.
2. Alhammadi M.S., Halboub, E. (2018), "Global distribution of malocclusion traits: A systematic review", Dental Press J Orthod. 23(6), 1-10.
3. Hoàng Tử Hùng (2005), "Sự thành lập và đặc điểm khớp cắn bộ răng bộ răng vĩnh viễn", căn khớp học, 43-54 Nhà xuất bản Y học, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Kim Yến và Nguyễn Thị Kim Anh (2012), "Nhu cầu, yêu cầu điều trị chỉnh hình răng mặt của học sinh 12 tuổi tại thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương năm 2012", Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh. 14, 97-103.
5. Cao Minh Nhã Uyên (2020), Tình trạng sai khớp cắn và nhu cầu điều trị chỉnh hình răng mặt của học sinh 12 tuổi và 15 tuổi tại TP Hồ Chí Minh năm 2019, Luận văn thạc sỹ Y khoa, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đồng Thị Mai Hương (2012), Nghiên cứu tình trạng khớp cắn và nhu cầu điều trị chỉnh nha của sinh viên đại học Y Hải Phòng, Luận văn Thạc sỹ Y học, Đại học Y Hà Nội.

## NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH SIÊU ÂM VÀ CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH TRÊN BỆNH NHÂN VIÊM TỤY CẤP TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Nguyễn Hồng Phúc<sup>1</sup>, Lê Thị Yến<sup>1</sup>, Hoàng Đức Hạ<sup>1,2</sup>

#### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả hình ảnh của siêu âm, chụp cắt lớp vi tính và đánh giá sự phù hợp về hình ảnh siêu âm và chụp cắt lớp vi tính của bệnh nhân VTC tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. **Đối tượng và phương pháp:** Thiết kế nghiên cứu mô tả chùm bệnh; chọn mẫu thuận tiện bao gồm toàn bộ bệnh nhân thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn trong thời gian nghiên cứu từ tháng 12/2021-10/2022 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng. **Kết quả và Kết luận:** 49 bệnh nhân, tuổi trung bình là 48,2. Đặc điểm siêu âm: Tụy to 34,7%. ống tụy giãn 2%, thâm nhiễm quanh tụy 49%, dịch quanh tụy 46,9%, khoang gan thận 18,1%. Nguyên nhân cơ học: sỏi OMC 2%, giun chui ống mật 0%. Đặc điểm chụp CLVT: Tụy to 83,7%. ống tụy giãn 10,2%, thâm nhiễm quanh tụy 98%, dịch quanh tụy 91,8%, khoang gan thận 22,4%, khoang lách thận 10,2%. Nghiên cứu cho thấy có sự phù hợp vừa giữa hai phương pháp Siêu âm và chụp CLVT trên các đánh giá về kích thước tụy,

dịch ổ bụng, nguyên nhân cơ học, dịch màng phổi và sự phù hợp thấp trong đánh giá ống tụy giãn, thâm nhiễm quanh tụy và dịch quanh tụy.

**Từ khóa:** Viêm tụy cấp, thâm nhiễm mỡ quanh tụy, siêu âm tụy.

#### SUMMARY

##### STUDY CHARACTERISTICS OF IMAGING SONOGRAPHY AND COMPUTED TOMOGRAPHY IN ACUTE PANCREATITIS AT VIET TIEP FRIENDSHIP HOSPITAL

**Objectives:** The aims of this study were to describe characteristics of ultrasound and computed tomography and the suitability of two these methods in diagnostic of acute pancreatitis at Viet Tiep Friendship Hospital. **Subjects and methods:** a descriptive study of the disease cluster; Convenience sampling included all patients who met the selection criteria during the study period from December 2021 to October 2022 at Viet Tiep Friendship Hospital, Hai Phong. **Results and Conclusions:** Ultrasound imaging: Enlarged pancreas 34.7%, dilated pancreatic duct 2%. Hypoechoic peripancreatic areas of inflammation 49%, peripancreatic fluid 46.9%, Morrison's pouch fluid 18.1%. The study showed that there was a moderate agreement between the two methods of ultrasound and CT scan on the assessment of pancreatic size, abdominal fluid, mechanical causes, pleural fluid and low concordance in evaluating

<sup>1</sup>Trường Đại học Y dược Hải Phòng

<sup>2</sup>Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hải Phòng

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hồng Phúc

Email: nhphuc@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 9.5.2023

Ngày duyệt bài: 18.5.2023